

Bản án số: 24/2019/HS-ST
Ngày 24-7-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hà Thế Nam

Các Hội thẩm nhân dân: bà Lữ Kim Hằng và ông Vũ Xuân Vương

- Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Hoài Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Văn Báu – Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 22/2019/TLST-HS ngày 31/5/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐXXST-HS ngày 09/7/2019 đối với bị cáo:

Vũ Thế H, sinh năm: 1964, tại Nam Định; nơi đăng ký thường trú và cư trú: số 36, tổ 4, ấp B, xã XD, huyện CM, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: cán bộ hoạt động không chuyên trách cấp xã; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vũ Viết U, sinh năm: 1925 (đã chết) và bà Lê Thị L, sinh năm: 1931 (đã chết); gia đình có 08 anh, chị, em, bị cáo thứ 5; có vợ tên Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1967; có 02 con chung, sinh năm 1989 và 1991. Tiền án, tiền sự: không; ngày 29/3/2019 bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cẩm Mỹ khởi tố bị can và ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. *(Có mặt)*

Nguyên đơn dân sự: Ủy ban nhân dân huyện CM, tỉnh Đồng Nai

Địa chỉ: ấp SC, xã LG, huyện CM, tỉnh Đồng Nai;

Đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Văn T (VBUQ lập ngày 05/7/2019)

(Vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. ông Võ Bùi Anh T, sinh năm: 1959; địa chỉ: đội 5, thôn 3, xã ND, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi; *(Vắng mặt)*

2. ông Võ Bùi Nhật T (N), sinh năm: 1959; nơi đăng ký thường trú: số 655, Hương lộ 2, phường BTĐ, quận BT, thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở hiện nay: số F6/9F, ấp 6, xã VL, huyện BC, thành phố Hồ Chí Minh; *(Vắng mặt)*

3. ông Huỳnh Văn Q, sinh năm: 1970; địa chỉ: tổ 9, khu 2, thị trấn LT, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng; *(Có mặt)*

4. anh Nguyễn Văn P, sinh năm: 1982; địa chỉ: số 131, tổ 22, ấp B, xã XD,

huyện CM, tỉnh Đồng Nai; (Có mặt)

5. ông Phạm Duy L, sinh năm: 1963; địa chỉ: ấp 2, xã XT, huyện CM, tỉnh Đồng Nai; (Vắng mặt)

6. ông Nguyễn Đình H, sinh năm: 1956; địa chỉ: số 165, tổ 13, ấp B, xã XD, huyện CM, tỉnh Đồng Nai; (Có mặt)

7. anh Nguyễn Quang L, sinh năm: 1984; địa chỉ: ấp 3, xã XT, huyện CM, tỉnh Đồng Nai; (Vắng mặt)

8. chị Hồ Thị Xuân L, sinh năm: 1990; địa chỉ: số 102, tổ 19, ấp B, xã XD, huyện CM, tỉnh Đồng Nai; (Có mặt)

9. ông Nguyễn Tiến L, sinh năm: 1970, địa chỉ: ấp B, xã XD, huyện CM, tỉnh Đồng Nai; (Vắng mặt)

10. ông Trần Đình B, sinh năm: 1967, địa chỉ: số 158, tổ 18, ấp B, xã XD, huyện CM, tỉnh Đồng Nai; (Có mặt)

Người làm chứng:

1. ông Nguyễn Phúc Đ, sinh năm: 1960, địa chỉ: tổ 3, ấp B, xã XD, huyện CM, tỉnh Đồng Nai; (Có mặt)

2. ông Phan Đình G, sinh năm: 1964, địa chỉ: tổ 8, ấp Cọ Dầu 1, xã Xuân Đông, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai; (Có mặt)

3. ông Trần Văn H, sinh năm: 1969, địa chỉ: ấp B, xã XD, huyện CM, tỉnh Đồng Nai; (Vắng mặt)

4. chị Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm: 1988; địa chỉ: số 106, tổ 19, ấp B, xã XD, huyện CM, tỉnh Đồng Nai; (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Vũ Thế H nguyên là Xã đội trưởng (1988), Trưởng Công an xã (1991-1996), Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) xã XD (2000-2010), hiện tại là cán bộ không chuyên trách xã XD, huyện CM, tỉnh Đồng Nai.

Năm 2014 UBND tỉnh Đồng Nai có chủ trương giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, áp nghỉ việc lâu năm và triển khai thực hiện đến các địa phương trên địa bàn tỉnh. Trên cơ sở đó UBND huyện CM đã triển khai và hướng dẫn đến UBND các xã, yêu cầu các xã thông báo đến các đối tượng trong diện chính sách, làm hồ sơ nhận tiền giải quyết chế độ theo chủ trương của UBND tỉnh Đồng Nai. Thực hiện chủ trương trên, UBND xã XD thông báo công khai về việc giải quyết chế độ trợ cấp thôi việc cho cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách xã, áp có thời gian công tác từ 05 năm trở lên và hiện tại đã nghỉ việc, để các cá nhân trong diện làm hồ sơ hưởng chế độ chính sách. Theo văn bản hướng dẫn, đối với trường hợp không còn Quyết định tuyển dụng thì cấp trưởng hoặc cấp phó của cơ quan công tác tại thời điểm đó có ý kiến xác nhận về thời gian, chức danh, chức vụ tại thời điểm đó trước khi cấp ủy Đảng, UBND và Chủ tịch UBMTTQVN cấp xã có ý kiến.

Việc giải quyết chế độ trợ cấp thôi việc được UBND xã XD giải quyết theo từng đợt.

Khoảng tháng 11/2015, khi UBND xã XD tiếp tục tiếp nhận giải quyết hồ sơ đợt 3; do nắm được hướng dẫn trên và lợi dụng sự quen biết, bị cáo H đến bộ phận cấp phát hồ sơ xin mẫu đơn, sau đó tự mình viết đơn cho 03 trường hợp đã từng tham gia lực lượng xã đội nhưng không đủ thời gian 5 năm, đó là Huỳnh Văn Q, Võ Huỳnh Anh T, Võ Huỳnh Nhật T và kê khống thời gian công tác trên 5 năm để đảm bảo đủ điều kiện hưởng chế độ chính sách; tiếp theo bị cáo tự mình xác nhận việc có tuyển dụng cũng như thời gian công tác của các cá nhân này trong lực lượng dân quân chiến đấu tại xã XD để hợp thức hóa hồ sơ. Do bị cáo H tự ý làm khống hồ sơ nên các thông tin về năm sinh, họ tên đầy đủ của các cá nhân trên không trùng khớp với thực tế, cụ thể: Huỳnh Văn Q, sinh năm 1970 thì ghi sinh năm 1972; Võ Bùi Anh T, sinh năm 1959 thì ghi Võ Huỳnh Anh T, sinh năm 1968 và Võ Bùi Nhật T, sinh năm 1959 thì ghi Võ Huỳnh Nhật T, sinh năm 1970. Sau khi làm khống xong 03 hồ sơ trên, bị cáo H đem đến nộp cho anh Nguyễn Văn P và nói “Đây là hồ sơ của 03 thằng lính ngày xưa của chú, vì điều kiện xa không về được nên chú nộp thay” thì anh P đồng ý nhận. Sau khi tiếp nhận hồ sơ, anh P không tiến hành xác minh, kiểm tra đối chiếu thực tế, mà chỉ căn cứ vào nội dung xác nhận của bị cáo H để tham mưu, đề xuất Chủ tịch Hội đồng xét duyệt hồ sơ là ông Phạm Duy L ký xác nhận thẩm định, rồi chuyển tiếp cho các ông Nguyễn Đình H - Phó Chủ tịch UBND xã XD và ông Nguyễn Quang L - Phó bí thư Thường trực Đảng ủy xã XD (ông H và ông L không phải thành viên Hội đồng) ký xác nhận. Khi có nguồn kinh phí chuyển về, UBND xã XD đã thông báo cho các cá nhân trong diện được hưởng trợ cấp đến gặp chị Hồ Thị Xuân L là cán bộ Văn thư - Thủ quỹ xã XD để nhận tiền, nhưng do không liên lạc được với 03 trường hợp trên nên anh P đã gặp và thông báo cho bị cáo H biết (vì H là người nộp hồ sơ), đồng thời anh P cũng nói lời bảo lãnh với chị L để cho bị cáo H nhận thay số tiền của 03 hồ sơ trên mà không có giấy ủy quyền. Cụ thể 03 hồ sơ mà bị cáo H đã làm khống gồm:

1. Hồ sơ Huỳnh Văn Q, sinh năm 1972 đã được bị cáo H kê khống thời gian tham gia lực lượng từ tháng 7/1987 đến tháng 11/1997, là 09 năm 08 tháng để chiếm đoạt số tiền 6.570.000 đồng; trong khi thực tế ông Huỳnh Văn Q, sinh năm 1970 chỉ tham gia lực lượng dân quân chiến đấu từ tháng 3/1988 đến khoảng tháng 3/1991 thì nghỉ.

2. Hồ sơ Võ Huỳnh Anh T, sinh năm 1968 đã được bị cáo H kê khai khống thời gian tham gia công tác từ tháng 7/1987 đến tháng 10/1994, là 07 năm 03 tháng để chiếm đoạt số tiền 5.475.000 đồng; trong khi thực tế ông Võ Bùi Anh T, sinh năm 1959 tham gia lực lượng dân quân chiến đấu khoảng từ tháng 7/1987 đến khoảng tháng 3/1991 thì nghỉ.

3. Võ Huỳnh Nhật T, sinh năm 1970 đã được bị cáo H kê khai khống thời gian tham gia công tác từ tháng 5/1988 đến tháng 11/1994, là 06 năm 07 tháng để chiếm đoạt số tiền 4.380.000 đồng; trong khi thực tế ông Võ Bùi Nhật T, sinh năm

1959 tham gia lực lượng dân quân chiến đấu từ khoảng đầu năm 1987 đến cuối năm 1988 thì nghỉ.

Tổng số tiền bị cáo H đã chiếm đoạt được từ 03 hồ sơ là 16.425.000 đồng.

Đến tháng 6/2018, khi Đoàn thanh tra huyện tiến hành thanh tra thì phát hiện việc bị cáo H làm khống hồ sơ 03 trường hợp trên; lúc này bị cáo Vũ Thế H đã chủ động tìm gặp các ông Võ Bùi Anh T, Võ Bùi Nhật T và Huỳnh Văn Q giao lại cho họ số tiền đã chiếm đoạt và yêu cầu những người này viết giấy biên nhận cũng như viết giấy đính chính năm sinh, tên đệm để hợp thức hóa hồ sơ nhằm đối phó với cơ quan chức năng. Kết quả điều tra thể hiện:

+ Đối với trường hợp Huỳnh Văn Q: ngày 25/01/2019, bị cáo H nhờ người liên lạc qua điện thoại với ông Q và yêu cầu về tại khu vực ngã ba SC, xã SC, huyện XL để nhận số tiền 6.570.000 đồng; sau khi ông Q nhận tiền, do H nói với Q đây là tiền giải quyết chế độ trợ cấp thôi việc trước đây Q từng tham gia lực lượng tại Xã đội XD nên được hưởng, vì vậy Q đã nhận số tiền trên và ký vào biên nhận đã được viết sẵn lùì thời gian vào ngày 10/04/2016; thực tế Q không hay biết về việc giải quyết chế độ này.

+ Đối với trường hợp Võ Bùi Anh T: Ngày 19/12/2018 (âm lịch), bị cáo H đã về quê của Võ Bùi Anh T tại Thôn 3, xã ND, TP. QN, tỉnh Quảng Ngãi trực tiếp giao số tiền 5.475.000 đồng và yêu cầu Võ Bùi Anh T viết giấy biên nhận tiền và giấy đính chính chữ lót tên và năm sinh đề ngày 25/4/2016 để hợp thức hóa hồ sơ.

+ Đối với Võ Bùi Nhật T: khoảng đầu tháng 01/2019 (Nhật T không nhớ rõ ngày) bị cáo H nhờ một người đàn ông hành nghề xe ôm tên T (không rõ nhân thân lai lịch) mang số tiền 4.380.000 đồng đến TP. Hồ Chí Minh, hẹn Nhật T ra công viên Đàm Sen giao số tiền này cho Nhật T, yêu cầu Tuấn viết giấy biên nhận và giao cho T một tờ giấy có ghi rõ nội dung để Nhật T trả lời khi cơ quan chức năng có đến xác minh.

Bản cáo trạng số 24/CT-VKS-CM ngày 31/5/2019 nhận định hành vi Huỳnh Văn Q, Võ Bùi Anh T, Võ Bùi Nhật T: mặc dù đã nhận tiền trợ cấp thôi việc cho cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách xã, ấp do bị cáo H đưa, nhưng xét thấy những người này không biết số tiền đó là do H làm những hồ sơ khống mà có nên không phạm tội.

Quá trình điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra cũng xác định trách nhiệm các cá nhân có liên quan dẫn đến việc tạo điều kiện thuận lợi cho vi phạm của bị cáo Huệ, gồm:

+ Ông Phạm Duy L, lúc đó là Chủ tịch UBND xã XD và là Chủ tịch Hội đồng xét duyệt hồ sơ nhưng chưa tổ chức họp xét đúng quy trình; giao cho ông Nguyễn Văn P là Thư ký Hội đồng tham mưu, triển khai, hướng dẫn, tiếp nhận, kiểm tra, xác minh, đối chiếu và tổng hợp hồ sơ trước khi trình các thành viên Hội đồng ký duyệt nhưng thiếu kiểm tra, giám sát đã ký duyệt thông qua 03 hồ sơ trên mà không phát hiện được bị cáo H làm khống để chiếm đoạt số tiền 16.425.000 đồng.

+ Các ông Nguyễn Đình H, Phó Chủ tịch UBND xã XD và Nguyễn Quang L, Phó Bí thư thường trực Đảng ủy xã XD, không phải là thành viên Hội đồng xét duyệt, nhưng khi ông Nguyễn Văn P tham mưu, trình ký 03 hồ sơ trên đã không kiểm tra dẫn đến ký sai thẩm quyền và không phát hiện được bị cáo H làm khống để chiếm đoạt số tiền 16.425.000 đồng.

+ Chị Hồ Thị Xuân L, cán bộ Văn thư - Thủ quỹ xã XD được Hội đồng xét duyệt giao nhiệm vụ trong việc chi trả tiền cho những người được hưởng chế độ nghỉ việc sau khi đã hoàn tất thủ tục hồ sơ; tuy nhiên, do không tuân thủ đúng quy tắc nghiệp vụ, tin tưởng vào lời nói bảo lãnh của ông Nguyễn Văn P đã đồng ý cho bị cáo H nhận số tiền 16.425.000 đồng thay cho 03 trường hợp Võ Huỳnh Nhật T, Võ Huỳnh Anh T, Huỳnh Văn Q mà không có giấy ủy quyền nhận tiền thay.

+ Anh Nguyễn Văn P là Công chức Văn phòng xã XD và là Thư ký Hội đồng xét duyệt, được giao nhiệm vụ tham mưu soạn thảo, ban hành các văn bản, triển khai hướng dẫn quy trình giải quyết chế độ trợ cấp thôi việc, tiếp nhận hồ sơ, rà soát kiểm tra, xác minh đối chiếu ban đầu, trước khi tổng hợp báo cáo, đề xuất Hội đồng hợp, xét duyệt hồ sơ. Tuy nhiên, do thiếu trách nhiệm đã không tiến hành kiểm tra, xác minh, rà soát đối chiếu với thực tế; quá trình tổng hợp đề xuất trình các thành viên Hội đồng ký xét duyệt chỉ dựa vào hồ sơ ban đầu và xác nhận của cán bộ xác nhận mà không có căn cứ tài liệu để xác định đã đủ điều kiện hay chưa dẫn đến việc đề xuất Hội đồng xét duyệt thông qua 03 hồ sơ trên mà không phát hiện được việc bị cáo H đã gian dối, kê khai khống hồ sơ chiếm đoạt 16.425.000 đồng tiền ngân sách nhà nước; ngoài ra, từ lời nói có tính chất bảo lãnh của anh P mà chị L đã đồng ý cho bị cáo H nhận tiền thay không đúng quy định, tạo điều kiện cho bị cáo H hoàn thành việc chiếm đoạt 16.425.000 đồng.

Bản cáo trạng số 24/CT-VKS-CM ngày 31/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân (sau đây viết tắt là VKSND) huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai nhận định hành vi của Phạm Duy L, Nguyễn Quang L, Nguyễn Đình H, Hồ Thị Xuân L và Nguyễn Văn P có dấu hiệu của tội “Thiếu trách nhiệm gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp”, được quy định tại Điều 179 của BLHS, tuy nhiên chưa gây ra hậu quả đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện đã đề nghị Chủ tịch UBND huyện CM xử lý các cá nhân trên theo Luật cán bộ công chức hiện hành.

Vật chứng của vụ án:

+ Số tiền 16.425.000 đồng (Mười sáu triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) do Võ Bùi Anh T, Võ Bùi Nhật T và bị cáo Vũ Thế H nộp khắc phục hậu quả.

+ 01 (Một) giấy biên nhận của ông Võ Bùi Anh T (trước đây khai là Võ Huỳnh Anh T) về việc nhận số tiền 5.475.000 đồng (năm triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) là tiền chế độ trợ cấp thôi việc từ ông Vũ Thế H ngày 25/4/2016 và 01 (Một) Giấy đính chính.

+ 01 (Một) giấy biên nhận của ông Huỳnh Văn Q về việc nhận số tiền 6.570.000 đồng (sáu triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng) là tiền chế độ trợ cấp thôi việc từ ông Vũ Thế H ngày 10/4/2016.

+ 01 (Một) giấy biên nhận của ông Võ Bùi Nhật T (tên gọi trước đây Võ Huỳnh Nhật T) về việc nhận số tiền 4.380.000 đồng (bốn triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng) là tiền chế độ trợ cấp thôi việc từ ông Vũ Thế H ngày 12/4/2016 và 01 Giấy đính chính.

+ 01 (một) giấy A4 có ghi nội dung “Nguyên trước đây...”.

Bản cáo trạng số: 24/CT-VKS-CM ngày 31/5/2019 của VKSND huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai truy tố bị cáo Vũ Thế H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây viết tắt là BLHS).

Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên nội dung cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX): tuyên bố bị cáo Vũ Thế H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm b, i, s, v và x khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 của BLHS; đề nghị xử phạt bị cáo H từ 10 tháng đến 12 tháng tù; đề nghị nộp trả lại Ngân sách Nhà nước số tiền 16.425.000 đồng.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án – ông Huỳnh Văn Q trình bày: năm 1986 đến năm 1996 ông và gia đình có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại xã XD; năm 1988 ông có tham gia lực lượng xã đội XD khoảng 02 -> 03 năm thì nghỉ do hoàn cảnh kinh tế gia đình và được cấp giấy đã hoàn thành nghĩa vụ tại địa phương (nhưng hiện nay đã thất lạc); sau khi rời lực lượng xã đội ông đi làm kinh tế mới tại BL (Lâm Đồng) và sinh sống tại đây cho đến nay; ông không biết gì về chính sách trợ cấp cho người công tác tại xã XD cho đến cuối năm 2018 ông H gọi điện thoại báo về nhận tiền và lúc đó nghĩ là ông H đùa giỡn nên ông không quay về; sau đó khoảng 02 tháng có một người đàn ông gọi điện thoại yêu cầu ông đúng ngày 30/01/2019 về tại ngã 3 SC nhận tiền trợ cấp nếu không sẽ không được nhận nữa nên ông đã về và nhận được số tiền 6.570.000 đồng. Hiện nay ông chưa nộp lại số tiền này nhưng nếu Tòa án yêu cầu phải trả lại thì ông đồng ý nộp theo quyết định của Tòa án.

Tại phiên tòa, ông Trần Đình B, ông Nguyễn Đình H, chị Hồ Thị Xuân L và anh Nguyễn Văn P đều khai nhận: do thiếu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, quá tin tưởng vào người khác mà thực hiện không đúng quy định công tác, không kiểm tra, xác minh thực tế dẫn đến tạo điều kiện cho bị cáo H có cơ hội thực hiện tội phạm; không hề có động cơ tư lợi cũng như không được hưởng lợi ích gì từ bị cáo H. Lời khai của họ phù hợp với lời khai được thu thập trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, HĐXX nhận thấy: Điều tra viên, Kiểm sát viên đã tiến hành các thủ tục tố tụng và thu thập chứng cứ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự (sau đây viết tắt là BLTTHS); đảm bảo được quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố; quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không ý kiến thắc mắc hoặc khiếu nại về hành vi của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy các hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố là hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của đại diện nguyên đơn dân sự, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy: những người vắng mặt đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng trong hồ sơ, việc vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử nên tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại các điều 292, 293 của BLTTHS.

[3] Về tư cách tố tụng: Tài sản bị chiếm đoạt là nguồn kinh phí chi trả trợ cấp chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, áp nghỉ việc lâu năm được trích từ ngân sách nhà nước do UBND huyện CM quản lý; đại diện UBND huyện vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đồng thời có văn bản yêu cầu bị cáo bồi thường cho ngân sách số tiền đã chiếm đoạt, nên xác định UBND huyện CM là nguyên đơn dân sự trong vụ án. Đối với chị Nguyễn Thị Hồng V là công chức Tài chính kế toán xã XD, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa được xác định là không liên quan trách nhiệm trong việc tạo điều kiện thuận lợi cho vi phạm của bị cáo H nên thay đổi tư cách tố tụng là người làm chứng trong vụ án.

[4] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa bị cáo H khai nhận: từ năm 1988 đến năm 2010 bị cáo công tác tại UBND xã XD và được giao giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý như: Xã đội trưởng (1988 đến 1990), Trưởng Công an xã (1991 đến 1996) và Chủ tịch UBND xã (2000 đến 2010); sau đó bị cáo nghỉ công tác hơn 03 năm, đến tháng 3/2014 bị cáo tiếp tục được địa phương giao nhiệm vụ công tác tôn giáo và là cán bộ hoạt động không chuyên trách cấp xã; lúc này Nhà nước mới đề ra chủ trương giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, áp nghỉ việc lâu năm và bị cáo cũng nhiều lần xác nhận thời gian tham gia công tác, chức danh, chức vụ cho một số trường hợp nên biết rõ tiêu chuẩn, điều kiện để được hưởng trợ cấp. Đến khoảng tháng 8/2015 bị cáo nhận được điện thoại của ông Vũ Bùi Anh T hỏi thăm và nhờ làm giúp hồ sơ để được hưởng trợ cấp theo chủ trương trên; bị cáo biết trường hợp ông Anh T là không đủ điều kiện để hưởng trợ cấp và lúc này cũng đã hết đợt xét duyệt hồ sơ, nên đã nói rõ cho ông Anh T biết và từ chối giúp làm hồ sơ. Đến khoảng tháng 11/2015 UBND xã XD có thông báo tiếp tục nhận xét duyệt hồ sơ trợ cấp cho những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, áp nghỉ việc lâu năm; bị cáo nhớ đến ông Anh T đã từng nhờ giúp và ngoài ông Anh T thì còn có 02 người nữa

là ông Nhật T và ông Huỳnh Văn Q cũng từng công tác trong lực lượng Xã đội thời kỳ đó, nhưng do không liên lạc được với Anh T nên bị cáo đã tự mình xin mẫu đơn và tự viết thông tin kê khai tăng thời gian công tác trên 05 năm của 03 trường hợp, rồi ký giả tên những người này; sau đó bị cáo xác nhận vào phía sau tờ đơn với tư cách là thủ trưởng đơn vị thời kỳ đó và nộp đơn cho anh Nguyễn Văn P; lúc nộp đơn bị cáo có nói với P là những trường hợp “lính chú ngày xưa, do đi làm ăn xa nên nhờ nộp giúp”, không hề có hứa hẹn lợi ích gì với anh P. Sau một thời gian bị cáo được anh P thông báo những hồ sơ mà bị cáo nộp giúp đã có tiền và đề nghị bị cáo đến gặp chị L để nhận tiền thay cho họ nên bị cáo đến gặp chị L nhận tiền của 03 trường hợp là 16.425.000 đồng. Khi vụ việc được thanh tra phát hiện, bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, tinh thần hoảng loạn nên bị cáo đã cố gắng bằng mọi cách tìm kiếm các ông Anh T, Nhật T và Q để giao cho họ số tiền mà họ được chi trả theo hồ sơ trợ cấp.

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa cơ bản phù hợp với các lời khai, bản cung của bị cáo đã được thu thập trong hồ sơ (BL 89 -> 102), phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng, cùng các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra có trong hồ sơ vụ án. Qua đó xác định được: vào cuối năm 2015, đầu năm 2016 lợi dụng sự sơ hở và thiếu trách nhiệm của một số cán bộ UBND xã XD được giao nhiệm vụ thẩm tra, xét duyệt hồ sơ giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, áp nghỉ việc lâu năm bị cáo H đã có hành vi làm khống đơn 03 hồ sơ trợ cấp thôi việc không đủ điều kiện thành hồ sơ đủ điều kiện của các ông Võ Bùi Anh T, Huỳnh Văn Q và Võ Bùi Nhật T để chiếm đoạt số tiền 16.425.000 đồng từ nguồn kinh phí giải quyết chế độ trợ cấp thôi việc do UBND huyện CM cấp. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: bị cáo Vũ Thế H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của BLHS như Cáo trạng số: 24/CT-VKS-CM ngày 31/5/2019 của VKSND huyện Cẩm Mỹ đã truy tố là có căn cứ.

[5] Bị cáo H đã từng là cán bộ, được giao đảm nhiệm nhiều chức vụ lãnh đạo, quản lý chính quyền địa phương xã XD nên chắc chắn hiểu rõ quy định pháp luật; nhưng chỉ vì vụ lợi mà bị cáo đã bất chấp hậu quả có thể xảy ra cho bản thân, cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của Nhà nước, gây mất niềm tin trong nhân dân; do đó, cần áp dụng loại hình phạt tù tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[6] Về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy bị cáo không có tình tiết tăng nặng theo quy định tại khoản 1 Điều 52 của BLHS; về tình tiết giảm nhẹ bị cáo có 05 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51, đó là: người phạm tội đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả (điểm b); phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng (điểm i); Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải (điểm s); Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong công tác (điểm v); Người phạm tội là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng

nhiều huân, huy chương cao quý (điểm x); hiện tại bản thân bị cáo cũng đang mang nhiều chứng bệnh như viêm gan, cao huyết áp và gai cột sống; do đó HĐXX áp dụng các điểm i, s, v, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS để xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[7] Từ những phân tích về tính chất, mức độ nguy hiểm, hành vi phạm tội cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, xét thấy bị cáo H có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo có khả năng tự cải tạo, không cần thiết bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, nên HĐXX áp dụng Điều 65 của BLHS đối với bị cáo là phù hợp.

[8] Về trách nhiệm dân sự: nguyên đơn dân sự yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 16.425.000 đồng đã chiếm đoạt, xét thấy số tiền này đã được cơ quan điều tra thu hồi và hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự nên cần tuyên chuyển vào ngân sách nhà nước khi xử lý vật chứng là phù hợp.

Đối với số tiền 6.570.000 đồng mà ông Q đã nhận và chưa giao nộp, đã được bị cáo H tự nguyện nộp thay: tại phiên tòa bị cáo H không yêu cầu ông Q trả lại nên ghi nhận.

[9] Về vật chứng: Các tài liệu, chứng cứ đã thu giữ gồm: giấy biên nhận và giấy đính chính của ông Võ Bùi Anh T và Võ Bùi Nhật T, giấy biên nhận của ông Huỳnh Văn Q và 01 giấy A4 có ghi nội dung “Nguyên trước đây...” đã được lưu theo hồ sơ vụ án nên sẽ tiếp tục lưu kèm theo hồ sơ mà không tiêu hủy.

[10] Đối với hành vi của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án nhận thấy:

+ Đối với hành vi nhận số tiền do bị cáo H chiếm đoạt được của các ông Huỳnh Văn Q, Võ Bùi Tuấn A, Võ Bùi Nhật T: do những người này không biết số tiền đó là do H làm hồ sơ khống mà có nên Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát xác định họ không phạm tội là phù hợp.

+ Đối với hành vi của các ông, bà Phạm Duy L, Nguyễn Quang L, Nguyễn Đình H, Hồ Thị Xuân L và Nguyễn Văn P có dấu hiệu của tội “Thiếu trách nhiệm gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp” được quy định tại Điều 179 của BLHS, tuy nhiên chưa gây ra hậu quả đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện đã đề nghị Chủ tịch UBND huyện CM xử lý các cá nhân trên theo Luật cán bộ công chức hiện hành là phù hợp.

+ Đối với các ông Nguyễn Tiến L và Trần Đình B là thành viên Hội đồng xét duyệt hồ sơ và trong quá trình thực hiện nhiệm vụ cũng đã có những vi phạm nhưng đối với 03 hồ sơ do bị cáo H kê khai khống ông L và ông B không tham gia nên không xem xét xử lý trong vụ án là phù hợp.

[11] Về án phí: Bị cáo H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[12] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp một phần với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: bị cáo Vũ Thế H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s, v, x khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của BLHS

Xử phạt: bị cáo Vũ Thế H 10 (Mười) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (Một) năm 08 (Tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo H cho Ủy ban nhân dân xã XD, huyện CM, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 106 của BLTTHS; Điều 48 của BLHS

Tuyên nộp trả vào ngân sách số tiền 16.425.000 (Mười sáu triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn) đồng (*Vật chứng do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 31/5/2019*).

Về án phí: Căn cứ Điều 136 của BLTTHS; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án

Buộc bị cáo Vũ Thế H phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; riêng nguyên đơn dân sự và những người có quyền lợi liên quan đến vụ án vắng mặt thì thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính kể từ ngày nhận tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật tố tụng./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Sở tư pháp Đồng Nai;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện;
- Cơ quan THAHS Công an huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- UBND xã XD;
- Lưu HS, AV (4).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký và đóng dấu)

Hà Thế Nam